ÔN TẬP GIỮA HỌC KỲ II ENLISH 9 – REVIEW

I. Tenses of the verbs

1. The past simple:

a. Use:

b. Form:

* Verbs

(+): S + Vpast + O…

(-): S + did + not + V + O …

(?): Did + S + V + O…?

Yes, S + did No, S + didn't

*Be

(+) S + was/ were + adj/ N

(-) S + was/ were + not + adj/ N

Was not = wasn't were not = weren't

c. signs:

1-Yesterday, the day before yesterday, that day, this morning, before, in + năm trong quá khứ

2-last + các từ chỉ thời gian

3-từ chỉ thời gian + ago

4-when + S + was/were +…

5-it's time, it's high time

6-wish(ước), if(nếu)…S + would rather + S + V(quá khứ)

***Cách phát âm đuôi /-ed/**

1./-ed/ được phát âm là /-id/ sau các chữ cái t, d (tự do)

2./-ed/ được phát âm là /-t/ sau các chữ cái: ss,s,x,gh,ch,sh,th,p,k,c(liked, stopped)

(Sông Xưa Ghiờ CHẳng Shóng, Thời Phong Kiến Cũ)

LIVEWORKSHEETS

3./-ed/ được phát âm là /-d/ các trường hợp còn lại.

*Các tính từ có đuôi "ed" không tuân theo 3 nguyên tắc trên,chúng thường được phát âm là /id/: naked, wicked, crooked, blessed, beloved...

2, The present perfect tense:

a.Use:

b. Form:

(+): S + have/ has + P2 + O…

(-): S + haven't/ hasn't + P2 + O…

(?): Have/ Has + S + P2 + O…?

c. Signs:

-since+ điểm thời gian/ mốc thời gian

-for+ khoảng thời gian

-ever, never, already, just, yet, so far, for a long time, lately, recently, this is the first time/ the second time, until now, up to now, many time, once, twice, how long

-in/ for/ during/ over + the past/last + thời gian: trong…qua

Ex: during the past 2 years: trong 2 năm qua

In the past few years: trong những năm qua

-So sánh nhất + thì hiện tại hoàn thành.

3, The past continuous tense:

a.Use:

Diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.

Diễn tả những hành động đang xảy ra song song cùng một thời điểm trong quá khứ.

Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ thì hành động khác xen vào. Hành động đang xảy ra ở quá khứ tiếp diễn, hành động xen vào ở quá khứ đơn, giữa 2 hành động được nối với nhau bởi từ "when" hoặc "while"

LIVEWORKSHEETS

Diễn tả một hành động từng lặp đi lặp lại trong quá khứ và làm phiền đến người khác

b. Form:

(+): S + was/ were + Ving + O…

(-): S + wasn't/ weren't + Ving + O

(?): Was/ Were + S + Ving + O?

c. Signs:

At + giờ + thời gian trong quá khứ. (at 5 o'clock yesterday,…)

At this time + thời gian trong quá khứ. (at this time last year,…)

In + năm (in 2001, in 1992)

In the past

***Exercise:**

I/ Choose the best answer.

1. At this time last year, they _____ this stadium.

A. built B. were building C. build

2. I _____ my motorbike very fast when James called me.

A. was driving B. drove C. have driven

3. Angela _____ to the cinema last night.

A. goes B. has gone C. went

4. Last June I _____ Ngoc Son Temple in Ha Noi.

A. visited B. am visiting C. visit

5. He has been selling motorcycles.....

A. ten years ago B. for ten years C. for ten years ago

6. Columbus.....America more than 400 years ago.

A. discovered B. has discovered C. had discovered

7. He fell down when he .....towards the church.

LIVEWORKSHEETS

A. run B. runs C. was running

8. John .....a book when I saw him.

A. is reading B. read C. was reading

9. Since....., I have heard nothing from him.

A. he had left B. he left C. he has left

10. When I was young, I.....to be a singer.

A. want B. was wanting C. wanted

LIVEWORKSHEETS